

TO: MIZUHO BANK, LTD. - HANOI BRANCH
Kính gửi: Ngân hàng Mizuho Bank, Ltd. - Chi nhánh thành phố Hà Nội

WE HEREBY WOULD LIKE TO REQUEST YOU TO ISSUE AN IRREVOCABLE LETTER OF CREDIT (L/C) WITH FOLLOWING TERMS AND CONDITIONS AND ADVISE BY CALBE TO YOUR CORRESPONDENT BANK:

Chúng tôi đề nghị Quý Ngân hàng phát hành một thư tín dụng không hủy ngang với những điều kiện và điều khoản như sau và thông báo bằng điện đến Ngân hàng đại lý:

20: L/C NO.: ILC-795- L/C số:	
ADVISING BANK (Name & Address) <i>Ngân hàng thông báo (Tên & địa chỉ)</i>	TRANSFERRING BANK (if any) <i>Ngân hàng chuyển nhượng (nếu có)</i>
SWIFT CODE <i>Mã SWIFT</i>	SWIFT CODE <i>Mã SWIFT</i>
40A: Form of Documentary credit/ <i>Loại thư tín dụng</i>	31C: Date of Issue/ <i>Ngày phát hành</i>
31D: Expiry Date/ <i>Ngày hết hạn</i>	31D: Place of Expiry/ <i>Nơi hết hạn</i>
50: Applicant (Name & Address) <i>Bên yêu cầu phát hành (Tên & địa chỉ)</i>	59: Beneficiary (Name & Address) <i>Bên thụ hưởng (Tên & địa chỉ)</i>
32B: Currency & Amount <i>Loại tiền & Số tiền</i>	In numbers/ <i>Bằng số</i>
	In words/ <i>Bằng chữ</i>
39A: Percentage Credit Amount Tolerance (%) <i>Dung sai về số tiền thư tín dụng (%)</i>	+ / -
41D: Available with <i>Chứng từ xuất trình tại</i>	42C: Drafts at... <i>Hối phiếu</i>
By <i>Theo phương thức</i>	for / cho % of invoice value % giá trị hóa đơn
	42A: Drawee <i>Ký phát đòi tiền</i>
43P: Partial shipments/ <i>Giao hàng từng phần</i>	43T: Transshipment/ <i>Chuyển tải</i>
44E: Port of Loading/ Airport of Departure <i>Cảng xếp hàng/ Cảng đi</i>	44A: Place of Taking in charge/ Place of Receipt <i>Địa điểm xếp hàng đi/ Nơi đi</i>
44F: Port of Discharge/ Airport of Destination <i>Cảng dỡ hàng/ Cảng đến</i>	44B: Place of Final Destination/ Place of Delivery <i>Địa điểm hàng đến/ Nơi đến</i>
44C: Latest Date of Shipment/ <i>Ngày giao hàng muộn nhất</i>	
45A: Description of Goods and/or Services/ <i>Mô tả hàng hóa và/hoặc dịch vụ:</i>	
TRADE TERMS <i>Điều kiện thương mại</i>	PLACE <i>Địa điểm</i>
	INCOTERMS

46A: Documents Required/ Chứng từ yêu cầu:

SIGNED COMMERCIAL INVOICE

Hóa đơn thương mại đã kí

ORIGINAL(S)

Bản gốc

COPY(IES)

Bản sao

PACKING LIST

Phiếu đóng gói

ORIGINAL(S)

Bản gốc

COPY(IES)

Bản sao

ORIGINAL CLEAN ON BOARD MARINE BILL(S) OF LADING

Bản gốc vận đơn đường biển sạch

OR/ hoặc

NEGOTIABLE COMBINED TRANSPORT DOCUMENTS

Chứng từ vận tải đa phương thức có giá trị chuyển nhượng

IN/ Xuất trình

MADE OUT

Giao hàng

MARKED FREIGHT

Ghi rõ cước phí vận tải

NOTIFY

Thông báo

AIR WAYBILLS CONSIGNED TO

Vận đơn hàng không giao cho

MARKED FREIGHT

Ghi rõ cước phí vận tải

NOTIFY

Thông báo

ORIGINAL INSURANCE POLICY OR CERTIFICATE IN

Bản gốc hợp đồng hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm xuất trình

ENDORSED IN BLANK FOR 110% OF INVOICE VALUE, WHICH MUST EXPRESSLY STATE THAT CLAIMS TO BE PAYABLE IN VIETNAM. INSURANCE MUST COVER:

ký hậu để trống, có giá trị bảo hiểm bằng 110% giá trị hóa đơn, ghi rõ tiền bồi thường thanh toán tại Việt Nam, bảo hiểm cho những rủi ro:

INSTITUTE CARGO CLAUSES

Rủi ro về hàng hóa

ALL RISKS (Điều kiện bảo hiểm mọi rủi ro)

INSTITUTE WAR CLAUSES

Rủi ro chiến tranh

OTHER

Khác

INSTITUTE S.R.C.C CLAUSES

Rủi ro đình công, bạo động

CERTIFICATE OF ORIGIN

Giấy chứng nhận xuất xứ

ORIGINAL(S)

Bản gốc

COPY(IES)

Bản sao

OTHER DOCUMENTS

Chứng từ khác

47A: Additional Conditions/ Các điều kiện khác:

UPAS L/C

DESPITE OF TENOR OF THIS CREDIT, UPON RECEIPT OF COMPLIANT DOCUMENTS AT ISSUING BANK'S COUNTER OR UPON ACCEPTANCE OF DISCREPANT DOCUMENTS, ISSUING BANK WILL AUTHORIZE A REIMBURSING BANK TO EFFECT PAYMENT AT SIGHT AS PER NEGOTIATING BANK'S PAYMENT INSTRUCTION. INTEREST AND FEE (IF ANY) ARE FOR ACCOUNT OF APPLICANT.

T.T REIMBURSEMENT

Đòi tiền bằng điện

FOR

Phí đòi tiền do

78: ALL DOCUMENTS MUST BE SENT TO

ISSUING BANK IN

Toàn bộ chứng từ phải được gửi tới ngân hàng phát hành trong

BY

Bằng

71D: Charges/ Phí

ALL CHARGES OUTSIDE ISSUING BANK ARE FOR
Các phí phát sinh ngoài Ngân hàng phát hành do

DEBIT ACCOUNT FOR ALL L/C ISSUE RELATED CHARGES
Tài khoản thu phí liên quan đến phát hành L/C

-795-

OTHER
Khác

48: Period for Presentation in Days

Thời hạn xuất trình

WITHIN

Trong vòng

DAYS AFTER THE SHIPMENT DATE BUT NOT LATER THAN THE EXPIRY DATE./
sau ngày giao hàng nhưng không muộn hơn ngày hết hạn của L/C.

49: Confirmation Instructions

Chỉ thị về xác nhận L/C

FOR

Phí xác nhận do

58: Requested Confirmation party

Bên được yêu cầu xác nhận
thư tín dụng

SWIFT CODE/ Mã SWIFT

57: 'Advise Through' Bank

Ngân hàng thông báo thứ hai

SWIFT CODE/ Mã SWIFT

Except otherwise stipulated, this letter of credit shall be subject to the latest version of UCP issued by ICC.

Trừ khi có quy định khác, thư tín dụng này được điều chỉnh theo các quy tắc và thực hành thống nhất về tín dụng chứng từ bản mới nhất phát hành bởi Phòng Thương mại quốc tế.

We hereby agree to perform our obligations, responsibilities and/or liabilities in connection with this L/C as per conditions set forth in Letter of Credit Related Agreement executed by us.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện các nghĩa vụ và/ hoặc trách nhiệm liên quan đến thư tín dụng này theo các điều kiện trong thỏa thuận liên quan đến Thư tín dụng được ký bởi chúng tôi.

For bank only/ Phần dành cho ngân hàng:
Date/ Ngày:

OPERATION		
Made	Checked	Approved

RECEPTION

Received	Sig. Verified	Checked	Approved

AUTHORIZED SIGNATURE(S) & SEAL
Chữ ký ủy quyền & đóng dấu

THIS APPLICATION IS MADE IN VIETNAMESE AND ENGLISH. IN CASE OF ANY INCONSISTENCY BETWEEN THE TWO LANGUAGES, THE ENGLISH LANGUAGE SHALL PREVAIL./

Đơn yêu cầu phát hành thư tín dụng này được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh. Trong trường hợp có bất cứ sai biệt nào giữa hai ngôn ngữ, phần ngôn ngữ tiếng Anh sẽ được ưu tiên áp dụng.